

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 27/8/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngô Phiên.

Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Nh1 , sinh năm 1984, (Có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Tô Văn Th1 , sinh năm 1982, (Có đơn xin xử vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn AG , xã ĐH , huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nông Thị Nh1 trình bày: Chị kết hôn với anh Tô Văn Th1 vào ngày 23/12/2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện. Hai bên đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Kỳ, huyện YTh , tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th1 không quan tâm chăm sóc vợ con và mâu thuẫn về kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nh1 xin ly hôn anh Th1 .

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Tô Hữu B1, sinh ngày 12/02/2012; cháu Tô Quỳnh Nh2, sinh ngày 02/01/2016. Hiện nay cháu B1 và cháu Quỳnh Nh2 vẫn ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị Nh1 có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Tô Văn Th1 trình bày: Anh kết hôn với chị Nông Thị Nh1 vào ngày 23/12/2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện. Hai bên đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Kỳ, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở cùng với gia đình anh đến năm 2013 thì hai vợ chồng chuyển ra ở riêng tại Trại Đăng, xã Đồng Kỳ, huyện YTh. Đến năm 2015 thì chuyển về sống tại AG, xã ĐH, huyện YTh chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018. Trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều lần cãi nhau, nguyên nhân từ những chuyện nhỏ trong gia đình và vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế. Hai vợ chồng anh ly thân từ tháng 2/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân anh chuyển ra nhà bố mẹ đẻ ở Tr Đ, xã ĐK, huyện YTh ở, thỉnh thoảng có về thăm các con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nh1 xin ly hôn anh. Anh đồng ý ly hôn với chị Nh1.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Tô Hữu B1, sinh ngày 12/02/2012; cháu Tô Quỳnh Nh2, sinh ngày 02/01/2016. Hiện nay cháu B1 và cháu Quỳnh Nh2 hiện tại đang ở cùng chị Nh1. Sau khi ly hôn chị Nh1 có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng thì anh đồng ý.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh1, cho chị Nh1 ly hôn anh Th1.

- *Về con chung*: Giao cháu 02 con chung là cháu Tô Hữu B1 sinh ngày 12/02/2012 và cháu Tô Quỳnh Nh2, sinh ngày 02/01/2016 cho chị Nh1 nuôi dưỡng, anh Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Th1 thực hiện quyền này.

- *Về án phí*: Miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Nh1 .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện YTh nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nông Thị Nh1 và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình: Xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Tô Văn Th1 có địa chỉ tại huyện YTh , tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YTh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nh1 , anh Th1 đều có đơn xin xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nông Thị Nh1 và anh Tô Văn Th1 .

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Nh1 kết hôn với anh Tô Văn Th1 vào ngày 23/12/2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện. Hai bên đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện YTh , tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th1 không quan tâm chăm sóc vợ con và mâu thuẫn về kinh tế. Hai vợ chồng anh Th1 và chị Nh1 ly thân từ tháng 2/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân anh Th1 chuyển ra nhà bố mẹ đẻ ở TrĐ, xã ĐK, huyện YTh ở, thỉnh thoảng có về thăm các con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nh1 xin ly hôn anh Th1 .

Căn cứ vào bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nh1 và anh Th1 đến nay đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị Nh1 được ly hôn anh Th1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng anh Th1, chị Nh1 có 02 người con là cháu Tô Hữu B1, sinh ngày 12/02/2012; cháu Tô Quỳnh Nh2, sinh ngày 02/01/2016. Hội đồng xét xử thấy: Cháu B1 và cháu Nh2 hiện đang ở ổn định với chị Nh1, các cháu vẫn được chị Nh1 nuôi ăn học và phát triển khỏe mạnh bình thường. Ngoài ra, cháu B1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn và anh Th1 cũng đồng ý giao cả 2 người con chung cho chị Nh1 nuôi dưỡng, chăm sóc nên cần giao cho chị Nh1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp và có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nh1 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Th1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Th1 thực hiện quyền này.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Nh1, anh Th1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nông Thị Nh1 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị Nh1 được ly hôn anh Tô Văn Th1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị Nh1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Tô Hữu B1, sinh ngày 12/02/2012 và cháu Tô Quỳnh Nh2, sinh ngày 02/01/2016. Sau khi ly hôn anh Th1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Th1 thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ: Chị Nh1 , anh Th1 không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Nông Thị Nh1 .

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YTh ;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện YTh ;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Đình Hưng